

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/HS-ST
Ngày 20-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô

2. Ông Nguyễn Đăng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1970, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp 4A, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Ấp 2, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị N; có vợ tên Võ Thị N; bị cáo có hai con (lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 24/8/2019 và chuyển sang tạm giam đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Trần Ngọc M và ông Hà Trọng N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 27/11/2018, sau khi uống rượu ở nhà một người bạn tên T (không rõ họ tên, nhân thân) ở xã V, thị xã T, Nguyễn Hữu H đi bộ về nhà. Khi đi ngang qua nhà của bà Đỗ Thị S (ấp 4, xã V, thị xã T) thấy

nhà không khóa cổng nên H đi vào bên trong tìm người nhờ chở về nhà. Lúc này, ông Trần Ngọc M (con rể của bà S) đang trông coi thợ hồ xây nhà (kế bên nhà bà S) phát hiện H đang đi lòng vòng trước nhà bà S nên đến hỏi. H nói là say quá nên tìm người nhờ chở về. Lúc này, H ngồi lên xe nhãn hiệu Yamaha Sirius của thợ hồ để trước nhà bà S. H nhờ ông M chở về. Ông M không đồng ý chở H về rồi tiếp tục mang vật liệu vào trong cho thợ xây nhà. Khi ông M vào trong nhà, H nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1-327.81 có sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe, không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt làm phương tiện về nhà. Thực hiện ý định, H dùng tay phải bật chìa khóa rồi khởi động máy và điều khiển xe chạy ra đường ĐH409 để tẩu thoát. Lúc này, ông M và ông Hà Trọng N (là thợ hồ đang xây dựng nhà cho ông M) phát hiện H đang điều khiển xe 61E1-327.81 của ông Nguyễn Văn L (thợ hồ đang xây nhà cho ông M) chạy ra ngoài. Ông M và ông N điều khiển xe mô tô truy đuổi theo H, được khoảng gần 01km thì nhìn thấy H cùng xe mô tô ngã xuống ruộng thoát nước nên bắt giữ H và trình báo Công an xử lý. Quá trình điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô 61E1-327.81 của ông L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 285/KLTS-TTHS ngày 20/12/2018 kết luận: 01 mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 61E1-327.81 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 6.850.000 đồng.

Quá trình điều tra, Công an thị xã T áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng H bỏ trốn. Ngày 31/7/2019 Cơ quan Điều tra ra Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra. Ngày 24/8/2019, Cơ quan điều tra bắt được bị cáo và phục hồi vụ án.

Xe mô tô 61E1-327.81 do bà Thạch Thi Sa R là vợ của ông L đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 23/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 101 và trả lại xe mô tô biển số 61E1-327.81 cho bà R và bà R không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 197/CT-VKSTU ngày 22/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Quá trình điều tra, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa R và người làm chứng ông Trần Ngọc M, ông Hà Trọng N vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra, ông L, bà R, ông M, ông N đã có lời khai đầy đủ và ông L, bà R không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà R, ông M và ông N.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 27/11/2018, bị cáo Nguyễn Hữu H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 61E1-327.81 của ông Nguyễn Văn L khi không có người trông giữ. Giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá là 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả, xem thường pháp luật. Quá trình điều tra, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo bỏ trốn Cơ quan điều tra phải ra

quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra, gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết án. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho bà Thạch Thị Sa R là đúng quy định.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều: 106, 136, 260, 292, 293, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2019.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Hữu H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Người tham gia tố tụng (3);
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga

